

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Điều 212 và khoản 4 Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 151/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2024 về việc Ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Chị LTBV, sinh năm 1990.** CCCD số ***** do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 10/7/2021. Nơi thường trú: P*** Tập thể BTS, phường NK, quận BD, thành phố HN.

- **Anh ESM, sinh năm 1985.** Quốc tịch: AD. Hộ chiếu số R***** do Cơ quan có thẩm quyền Cộng hòa AD cấp ngày 13/5/2017. Địa chỉ: **-**-** R, M, V, AD- *****.

Người phiên dịch: Chị PHH, sinh năm 2000. CCCD số ***** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10-7-2021. Nơi thường trú: P**-B**, KL, quận ĐĐ, thành phố HN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Chị LTBV và anh ESM kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/5/2022 tại Ủy ban nhân dân quận BD, thành phố HN. Trước khi kết hôn, vợ chồng có thời gian tìm hiểu, chung sống. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thành phố HN. Ban đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh ESM trở về AD, vợ chồng sống xa cách, thường xuyên cãi vã, tính cách không hợp nhau, bất đồng ngôn ngữ nên vợ chồng mâu thuẫn càng trầm trọng. Hai bên đã cố tìm cách hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị LTBV và anh ESM đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

- Về con chung: Anh ESM và chị LTBV thống nhất xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu LHQ, nữ, sinh ngày 05/11/2013; cháu LQA, nam, sinh ngày

01/9/2017 và cháu LQL, nam, sinh ngày 06/3/2020. Khi ly hôn, vợ chồng thống nhất thỏa thuận giao cả ba con chung cho chị LTBV trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chị thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh ESM và chị LTBV đều xác định không tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh ESM và chị LTBV đều xác định không có nợ chung, không cho ai vay nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nhung tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[2] Các đương sự thống nhất về việc giải quyết toàn bộ việc ly hôn, cụ thể:

- Chị LTBV và anh ESM thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị LTBV và anh ESM có 03 con chung là cháu LHQ, nữ, sinh ngày 05/11/2013; cháu LQA, nam, sinh ngày 01/9/2017 và cháu LQL, nam, sinh ngày 06/3/2020. Khi ly hôn, vợ chồng thống nhất thỏa thuận giao cả ba con chung cho chị LTBV trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chị thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh ESM được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Anh ESM và chị LTBV đều xác định không tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Anh ESM và chị LTBV đều xác định không có nợ chung, không cho ai vay nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị LTBV chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06 - 6 - 2024, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị LTBV và anh ESM thống nhất thuận tình ly hôn, chấm dứt quan hệ hôn nhân.

- Về con chung: Chị LTBV và anh ESM có 03 con chung là cháu LHQ, nữ, sinh ngày 05/11/2013; cháu LQA, nam, sinh ngày 01/9/2017 và cháu LQL, nam, sinh ngày 06/3/2020. Khi ly hôn, vợ chồng thống nhất thỏa thuận giao cả ba con chung cho chị LTBV trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chị thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của anh ESM cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Anh ESM và chị LTBV đều xác định không tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh ESM và chị LTBV đều xác định không có nợ chung, không cho ai vay nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giành quyền khởi kiện về việc phân chia tài sản chung hoặc nghĩa vụ chung về tài sản vợ chồng cho các đương sự trong một vụ án khác (nếu có).

2. Về án phí Tòa án: Chị LTBV chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0023372 ngày 31/5/2024 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Xác nhận chị LTBV đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS ND TP. Hà Nội;
- UBND quận BD, TP.HN
- Cục THADS TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Bạch Tuyết